

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Triển khai thực hiện Báo cáo thẩm định số 419/BC-HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Triển khai thực hiện Công văn số 1575/CV-HĐTD ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định về việc rà soát hồ sơ định Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 2048/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 2156/UBND-TH ngày 10 tháng 3 năm 2023 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung chính sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Khánh Hòa bao gồm phần lãnh thổ tỉnh Khánh Hòa và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài Nguyên, môi trường biển và hải đảo. Huyện đảo Trường Sa trong quy hoạch tỉnh chỉ xác định một số định hướng chủ yếu mang tính bao trùm, các nội dung quy hoạch cụ thể hơn sẽ được lập và phê duyệt riêng. Ranh giới tọa độ địa lý từ $11^{\circ}41'53''$ đến $12^{\circ}52'35''$ vĩ độ Bắc và từ $108^{\circ}40'33''$ đến $109^{\circ}23'24''$ kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển:

(1) Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa, các chiến lược, quy hoạch ngành quốc gia. Phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành

thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia biển đảo, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

(2) Phát triển nhanh và bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh và sức chống chịu của kinh tế tỉnh. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Cơ cấu lại, nâng cao chất lượng phát triển các ngành kinh tế gắn với thực hiện chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ.

(3) Phát triển đột phá các vùng trọng điểm: Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh, đô thị Cam Lâm. Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng, hỗ trợ các vùng trọng điểm. Phát triển nhanh và bền vững vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với phát huy bản sắc văn hóa, giá trị tài nguyên bản địa. Đẩy mạnh đô thị hóa đi đôi với phát triển hải hòa, bảo đảm kết nối đô thị - nông thôn. Sử dụng hiệu quả, bền vững không gian biển, gắn kết với khu vực đất liền. Hình thành các hành lang kinh tế để kết nối không gian phát triển và tăng cường hiệu ứng lan tỏa; tham gia vào các hành lang kinh tế quan trọng của quốc gia.

(4) Phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; hướng tới các tiêu chuẩn mới về một địa phương đáng sống trong so sánh khu vực và quốc tế. Bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của mọi người dân. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản truyền thống, lịch sử. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giữ gìn môi trường tự nhiên; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

(5) Phát triển dựa trên đa dạng hóa các nguồn lực, coi nội lực là nền tảng, lấy ngoại lực để tạo đột phá, chú trọng hài hòa giữa các động lực phát triển. Phát huy tối đa nhân tố con người gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời tích cực hoàn thiện các điều kiện về thể chế và hạ tầng để huy động hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

(6) Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu

vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. GRDP bình quân đầu người đạt nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. Khu kinh tế Vân Phong, đô thị Cam Lâm trở thành địa bàn động lực phát triển mới của tỉnh và vùng Nam Trung Bộ. Kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc với một số đô thị đạt đẳng cấp quốc tế. Nhân dân được hưởng thụ mức sống cao, có cuộc sống an toàn, hạnh phúc. Môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ; có năng lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 8,3%/năm; trong đó, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 2,4%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 10%/năm, dịch vụ tăng khoảng 8,7%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Tỷ trọng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 7,3% GRDP; Công nghiệp - xây dựng chiếm 36,2%; Dịch vụ chiếm 48%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,5%.

(2) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 189 triệu đồng.

(3) Tăng trưởng năng suất lao động bình quân khoảng 7,0%/năm thời kỳ 2021-2030.

(4) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70% vào năm 2030.

(5) Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030 đạt 13,8 triệu lượt khách, trong đó có 7 triệu lượt khách quốc tế và 6,8 triệu lượt khách du lịch nội địa.

(6) Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP vào năm 2030.

- Về xã hội:

(7) Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều khoảng 1,0-1,5%/năm.

(8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 90% năm 2030; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

(9) Cơ cấu lao động đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 18-19%; Công nghiệp - xây dựng 30-31% và Dịch vụ: 50-51%.

(10) Đến năm 2030, tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; thời gian sống khỏe mạnh (tính theo năm) đạt 68 tuổi.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98% dân số; đạt 40 giường bệnh/10.000 dân (trong đó 34 giường bệnh công lập/10.000 dân; 06 giường bệnh tư nhân/10.000 dân); 14 bác sĩ/10.000 dân (trong đó 11 bác sĩ công lập/10.000 dân trở lên); tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt trên 98%.

- Về môi trường:

(12) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 46,5%.

(13) Đến năm 2030, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 85% được sử dụng nước sạch; tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100%. Đảm bảo cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp.

(14) Đến năm 2030, 100% chất thải nguy hại được xử lý an toàn theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%; giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 10%.

(15) Đến năm 2030, các đô thị phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật là trên 60% (Đô thị từ loại I trở lên) và trên 50% (Đô thị loại II - V).

- Về kết cấu hạ tầng:

(16) Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Khánh Hòa, đáp ứng các chỉ tiêu đối với đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới quốc lộ bảo đảm kết nối, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III trở lên, một số đoạn đi qua khu vực miền núi đạt cấp IV trở lên. Nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường tỉnh cơ bản đạt cấp IV trở lên đối với các tuyến hiện hữu và cấp V trở lên đối với các tuyến mới; 100% được thảm Bê tông nhựa hoặc láng nhựa, Bê tông xi măng.

Phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I, tạo tiền đề để khu bến Bắc Vân Phong phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; có bến container, tổng hợp, bến cảng khách quốc tế.

Tập trung ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng để đảm bảo thị phần đến năm 2030 đạt tối thiểu 15% tổng nhu cầu đi lại.

(17) Đến năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

(18) Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Khánh Hòa cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp; hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển hạ tầng 5G tại các khu đô thị, khu công nghiệp để hỗ trợ sản xuất thông minh.

- Về bảo đảm quốc phòng, an ninh:

(19) Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Khánh Hòa là một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước; là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; một trong những đô thị

ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống hàng đầu của châu lục. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động kinh tế, xã hội và quản trị của chính quyền vận hành chủ yếu theo phương thức của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành sản xuất, dịch vụ phát triển theo phương thức thông minh và các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Các mặt xã hội phát triển hài hòa. Môi trường và cảnh quan thiên nhiên được gìn giữ, nhất là môi trường biển và ven biển; là địa phương đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu đưa phát thải khí nhà kính về mức "0" của Việt Nam vào năm 2050.

Quốc phòng - an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Các đột phá phát triển

Một là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển mạnh các loại thị trường để tăng cường thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh cho phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, phát triển mạnh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào những ngành quan trọng như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics, cảng biển, thủy sản và hậu cần nghề cá, công nghệ thông tin. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế biển. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp sáng tạo.

Ba là, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để tạo đột phá trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; trọng tâm là các dự án trọng điểm, lan tỏa, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng KKT, KCN, hạ tầng đô thị và ứng phó biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu của tỉnh đồng bộ với hạ tầng dữ liệu Quốc gia, tạo nền tảng chuyển đổi số, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, tập trung phát triển các khu vực gồm: Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh và đô thị Cam Lâm để tạo động lực phát triển mới. Phát triển toàn diện KKT Vân Phong, tập trung vào du lịch biển chất lượng cao và đô thị du lịch biển cao cấp; cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng biển, logistics; công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp năng lượng hiện đại, thân thiện với môi trường. Phát triển khu vực Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh (các trụ cột tăng trưởng)

Một là, phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao bao gồm du lịch, tài chính, thương mại, logistics, giáo dục và phát triển đô thị. Khánh Hòa trở thành trung tâm dịch vụ đa dạng, chuyên nghiệp với du lịch biển bền vững, các sản phẩm du lịch cao cấp, dịch vụ vận tải - logistics và phát triển đô thị thông minh.

Hai là, phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, công nghệ thông tin. Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, không thâm dụng lao động, số hóa quy trình. Chuẩn bị nguồn nhân lực và hạ tầng để thực hiện chuyển đổi số và tham gia hiệu quả vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế số.

Ba là, Phát triển ngành thủy sản bền vững, giá trị cao. Phát huy vai trò trung tâm nghề cá lớn cho ngư trường Nam Trung Bộ và Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa phát triển trở thành địa bàn mũi nhọn trong đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá của vùng. Bên cạnh đó, phát triển nuôi trồng thủy sản giá trị cao, đặc biệt là nuôi biển công nghệ cao, gắn với chế biến và xây dựng, quảng bá thương hiệu. Đồng thời, phát triển đồng bộ các ngành, lĩnh vực phụ trợ như cung cấp giống thủy sản, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác:

a) Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục; đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; ứng dụng công nghệ số trong giáo dục. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp và phù hợp với các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh. Cùng cố, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, thu hút các trường đại học trong và ngoài nước thành lập phân hiệu/cơ sở đào tạo tại Khánh Hòa. Phát triển giáo dục chuyên biệt, hòa nhập đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục đào tạo các cấp.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Khánh Hòa công bằng, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe cho vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Phát triển đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở theo hướng phát triển cân đối, hài hòa giữa công tác khám chữa bệnh với y tế dự phòng. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế ngày càng có năng lực chuyên môn vững và chuyên sâu đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Giảm thiểu sự chênh lệch về tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức

khỏe giữa các vùng miền, các nhóm dân cư, cải thiện một cách bền vững các chỉ số sức khỏe cơ bản. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

c) An sinh xã hội

Bảo đảm tốt an sinh xã hội cho mọi người dân. Mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng đa chiều, bền vững; tập trung công tác giảm nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách và chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và tiếp cận, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo được bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh các sản phẩm của tỉnh, nhất là trong các ngành, lĩnh vực thế mạnh. Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành một trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuộc nhóm dẫn đầu trong các lĩnh vực: hải dương học, công nghệ đại dương, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch. Ưu tiên các nguồn lực triển khai các chương trình khoa học, công nghệ phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tăng cường hỗ trợ, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, thị trường khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xác lập quyền, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ. Phát triển và vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng Nha Trang trở thành điểm đến cho các công ty công nghệ.

e) Văn hóa, thể thao

- Văn hóa:

Xây dựng và phát triển văn hóa hướng đến phát triển toàn diện con người Khánh Hòa. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm hội nhập quốc tế, khai thác hiệu quả và tận dụng tiềm năng từ lĩnh vực văn hóa cho phát triển du lịch của tỉnh. Cải thiện và nâng cao môi trường văn hóa đọc; xây dựng, phát triển và củng cố người dân thói quen đọc và kỹ năng tiếp cận, sử dụng thông tin, trí thức. Phát triển đa dạng các ngành công nghiệp văn hóa trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, có đóng góp tích cực, hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Phát huy chuỗi di sản tháp Chăm trong liên kết với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Tập trung gìn giữ, bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc trên

địa bàn tỉnh (đặc biệt là những di sản văn hóa độc đáo đang có nguy cơ mai một), nhất là văn hóa của các dân tộc thiểu số rất ít người, các giá trị văn hóa tốt đẹp trong tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội. Khoanh vùng, bảo vệ các di chỉ khảo cổ phục vụ công tác nghiên cứu.

- Thể thao:

Phát triển thể dục, thể thao nhằm duy trì, nâng cao sức khỏe, thể chất và chất lượng cuộc sống của người dân; đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng theo hướng đa dạng hóa các loại hình. Tiếp tục đầu tư cho thể thao thành tích cao, cải thiện thứ hạng của tỉnh Khánh Hòa trong một số bộ môn thể mạnh. Phát triển kinh tế thể thao gắn với du lịch; tăng cường công tác xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng.

g) An ninh, quốc phòng

Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo quốc gia. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

IV. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG THÔN VÀ KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Phát triển hệ thống đô thị, tổ chức lãnh thổ nông thôn

a) Phương án phát triển đô thị

Đến năm 2030, Khánh Hòa có 02 đô thị loại I (thành phố Nha Trang và đô thị mới Cam Lâm), 01 đô thị loại II (thành phố Cam Ranh), 01 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV và các đô thị loại V. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hoà là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hoá truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng.

b) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn.

2. Phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Phát triển khu kinh tế

Phát triển KKT Vân Phong trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại. Tổ chức không gian KKT thành 2 khu vực: Bắc Vân Phong và Nam Vân Phong.

- Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế. Phát triển du lịch biển cao cấp tại đề khai thác giá trị tối đa từ lợi thế về vị trí, cảnh quan của khu vực. Kêu gọi đầu tư các khu nghỉ dưỡng hướng tới phân khúc khách hàng cao cấp, thiết kế hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững của ngành du lịch. Xây dựng bến cảng đón tàu chở khách du lịch và du thuyền hạng sang. Phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng. Định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên du lịch bền vững.

- Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển. Tập trung thu hút các dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các dự án công nghiệp trọng điểm với các ngành công nghiệp chủ lực như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng, đóng tàu, công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp phụ trợ. Phát triển các cảng hàng hóa gắn với trung tâm logistics tại Nam Vân Phong để phục vụ cho cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ.

b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Quy hoạch hệ thống các khu, cụm công nghiệp hợp lý về không gian lãnh thổ, khai thác được tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng xã hội cùng các dịch vụ phục vụ người lao động. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lập đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập.

V. PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng. Các tuyến quốc lộ, cao tốc, đường sắt, đường thủy, đường hàng không: thực hiện theo quy hoạch quốc gia. Phát triển các cảng cạn tại thành phố Cam Ranh và thị xã Ninh Hòa để đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa của tỉnh Khánh Hòa và các khu vực lân cận. Các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện. Nghiên cứu các khu bến, phao neo phục vụ tàu du lịch sử dụng các dịch vụ du lịch trên biển tại các khu vực Vịnh Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong. Nghiên cứu định hướng xây dựng Cảng hàng không (vốn đầu tư ngoài ngân sách) gắn với phát triển Khu

Kinh tế Vân Phong. Nghiên cứu xây dựng sân bay cho thủy phi cơ phục vụ du lịch gắn với các cảng khách du lịch tại Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh.

Ứng dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến, thành tựu khoa học kỹ thuật trong phát triển hệ thống giao thông thông minh, điều hành và quản lý hệ thống giao thông vận tải một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian, chi phí đi lại, thuận tiện và thân thiện với môi trường...

2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây truyền tải 500kV, 220kV và 110 kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có.

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, hạ tầng số

Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc các tuyến Khánh Hòa - Phú Yên, Khánh Hòa - Ninh Thuận, Khánh Hòa - Đắk Lắk. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng. Thực hiện ngầm hóa mạng lưới cáp viễn thông tại các đô thị, khu vực các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư mới.

Đến năm 2030 mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% khu dân cư. Ưu tiên phát triển mạng thông tin di động 5G tại các khu kinh tế, đô thị mới, công nghiệp, khu du lịch trọng điểm.

Nghiên cứu xây dựng và triển khai các hạ tầng số và nền tảng số phục vụ chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan chính quyền các cấp, được cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số.

Xây dựng hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) được tích hợp, ứng dụng rộng rãi trong các hạ tầng giao thông, điện, nước, đô thị, đáp ứng nhu cầu xây dựng đô thị thông minh; ưu tiên tại các khu vực: Thành phố Nha Trang, Thành phố Cam Ranh, đô thị mới Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa, khu kinh tế Vân Phong và trung tâm các huyện.

4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, logistics

a) Trung tâm thương mại và siêu thị:

Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan.

b) Trung tâm logistics:

Phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong và thành phố Cam Ranh.

c) Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt:

Việc đầu tư các kho chứa xăng dầu và khí đốt trên địa bàn căn cứ vào Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển thủy lợi

Đảm bảo cấp nước tưới 100% diện tích đất lúa hai vụ, 80% diện tích đất trồng trọt. Đảm bảo cấp nước tạo nguồn cho sinh hoạt và công nghiệp.

Về tiêu úng, phòng chống lũ và ngăn mặn: Nâng cao khả năng tiêu thoát ra các sông, kênh tiêu, bảo đảm thoát nước cho các vùng đồng bằng, vùng thấp trũng với tần suất thiết kế 5-10%; chủ động trong điều tiết lũ, kiểm soát triều, ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, hạn chế tác động của BĐKH, nước biển dâng.

Xây dựng hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu và toàn diện, hoàn chỉnh cho từng hệ thống. Nâng cấp, hiện đại hóa công trình đầu mối, kênh dẫn, điều khiển vận hành để phát huy năng lực thiết kế và nâng cao năng lực phục vụ. Nghiên cứu đầu tư các công trình tích trữ nước, đập dâng, đập ngăn mặn giữ ngọt, hệ thống dẫn nước và chuyển nước để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho từng khu vực. Thực hiện kiên cố hóa kênh mương và sửa chữa kênh mương đã xuống cấp để đảm bảo tưới, tiêu thoát nước chủ động, giảm thất thoát nước; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương các loại toàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 80%.

b) Phương án cấp nước

Phương án phân vùng cấp nước thành 05 vùng cấp nước chính trên toàn tỉnh bao gồm: (i) Vùng Vạn Ninh: bao gồm các xã huyện Vạn Ninh trừ xã Vạn Hưng; (ii) Vùng lưu vực Sông Cái Ninh Hoà: bao gồm toàn bộ thị xã Ninh Hòa và xã Vạn Hưng huyện Vạn Ninh; (iii) Vùng lưu vực Sông Cái Nha Trang: gồm các xã huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh, TP Nha Trang và 3 xã Suối Cát, Suối Tân, Cam Hòa huyện Cam Lâm; (iv) Vùng Cam Lâm - Cam Ranh: Gồm các xã còn lại huyện Cam Lâm và TP Cam Ranh; (v) Vùng Tô Hạp: Gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn.

Duy trì hệ thống cấp nước đô thị hiện tại, ưu tiên thu hút đầu tư nâng công suất các công trình hiện có để đảm bảo cấp nước cho các khu đô thị mới, các vùng dân cư nông thôn lân cận. Xây dựng mới các nhà máy nước lấy nguồn nước từ các hồ Sông Chò, Đá Bàn, Đồng Điền, Tiên Du, Cam Ranh Thượng.

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung tại khu vực nông thôn; đầu tư các công trình nối mạng cấp nước liên xã.

c) Phương án thoát nước

- Phân vùng tiêu thoát nước mặt:

+ Lưu vực vịnh Vân Phong: gồm toàn bộ các xã thuộc huyện Vạn Ninh và Khu kinh tế Vân Phong, thoát về các trục tiêu hồ gần nhất như: sông Đồng Điền, sông Hiền Lương, sông Bình Sơn, sông Vạn Giã...chảy xuống vịnh Vân Phong.

+ Lưu vực sông Cái Ninh Hoà: gồm toàn bộ thị xã Ninh Hoà, thoát về dòng chính là sông Cái Ninh Hoà (đoạn thượng lưu gọi là sông Cái, đoạn hạ lưu gọi là sông Dinh), bên cạnh đó còn có các phụ lưu như: sông Đá Bàn, sông Tân Lâm, sông Cây Sao, suối Trầu, sông Cầu Lắm, suối Tiên Du...chảy xuống vịnh Nha Phu.

+ Lưu vực sông Cái Nha Trang: gồm toàn bộ huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh và thành phố Nha Trang, thoát về dòng chính sông Cái Nha Trang (phía thượng và trung nguồn có nhiều phụ lưu nhỏ như: sông Khế, sông Giang, sông Cầu, sông Chò, suối Dầu, suối Bé...) chảy xuống vịnh Nha Trang.

+ Lưu vực vịnh Cam Ranh: gồm toàn bộ huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh, thoát về sông Cạn, sông Tà Rục, suối Hành, suối Cát...chảy xuống vịnh Cam Ranh.

+ Lưu vực sông Tô Hạp: gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn, thoát về sông Tô Hạp (là sông duy nhất không thoát ra Biển mà thoát ngược sang địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

- Hệ thống thoát nước tại các khu đô thị, nông thôn:

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp; quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn; đối với khu vực phát triển sản xuất nông - lâm - thủy sản: thoát nước qua hệ thống kênh mương thủy lợi, công trình đầu mối.

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Ưu tiên việc nâng cấp, cải tạo và mở rộng các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện hữu; xây dựng các cơ sở mới chỉ áp dụng cho trường hợp cơ sở xử lý cũ đã lấp đầy, hết quỹ đất để mở rộng phát triển và yêu cầu cấp thiết cần phải xây dựng thêm cơ sở xử lý cho việc xử lý chất thải rắn trong tương lai. Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng các công nghệ khác (tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ...) đạt 85%.

b) Xử lý chất thải y tế

Triển khai đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng xử lý chất thải cho các cơ sở y tế, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh, bao gồm xây dựng hệ thống xử lý nước thải và bổ sung thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại với công nghệ mới, thân thiện với môi trường (thiết bị vi sóng, thiết bị hấp áp lực thấp...).

c) Xử lý chất thải rắn công nghiệp

Chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại. Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới khu xử lý CTR nguy hại có tính chất liên vùng.

d) Các nhà máy xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu vực đô thị (khu vực nội thị cũ của thành phố Nha Trang sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng). Xây dựng, nâng cấp các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp. Các khu vực công nghiệp phân tán, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề: nước thải cần được thu gom và xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả vào hệ thống chung; khuyến khích xây dựng các trạm xử lý nước thải riêng.

- Khu vực nông thôn: Giải pháp hệ thống thu gom và xử lý nước thải cụ thể cho các xã ngoại thị theo đồ án quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt. Khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung.

7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Căn cứ vào nhu cầu thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 đội Cảnh sát PCCC & CNCH chuyên nghiệp (của lực lượng Công an) được đầu tư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, doanh trại. Về lâu dài, bảo đảm bố trí mạng lưới trụ sở các đội Cảnh sát PCCC & CNCH chuyên nghiệp có bán kính phục vụ chữa cháy tối đa là 3km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5km đối với các khu vực khác. Quy hoạch, xây dựng mạng lưới hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp nước phải bảo đảm yêu cầu của công tác PCCC. Xây dựng hệ thống thông tin chỉ huy, điều hành về PCCC và CNCH kết nối đồng bộ với Trung tâm thông tin chỉ huy, điều hành về giao thông, ANTT, của lực lượng Công an tỉnh.

8. Phương án phát triển hạ tầng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Việc xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão phải phù hợp với quy hoạch phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của quốc gia; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời tính đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Hoàn thiện hạ tầng 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng và 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh.

9. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Rà soát, điều chỉnh và đầu tư, nâng cấp mạng lưới, quy mô cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, phù hợp hơn. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường học các cấp tại các địa bàn đáp ứng yêu cầu bảo đảm tiếp cận giáo dục cho học sinh và đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo quỹ đất cho cho việc mở rộng, xây mới hạ tầng giáo dục các cấp học. Căn cứ vào nhu cầu thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập ít nhất 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập. Phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường trung cấp nghề. Thu hút các trường đại học trong và ngoài nước thiết lập phân hiệu/cơ sở đào tạo tại tỉnh Khánh Hòa.

b) Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Bảo đảm quỹ đất và không gian cho việc mở rộng diện tích và xây dựng mới hạ tầng văn hoá, thể thao, ưu tiên xây dựng hạ tầng mới ở các vị trí trung tâm với kiến trúc vừa hiện đại vừa phù hợp với đặc trưng văn hóa vùng, miền, dân tộc. Đầu tư các công trình văn hoá trọng điểm; chú trọng công tác tu bổ, tôn tạo, di tích; phát triển các khu vực tôn giáo, tín ngưỡng mang tính đặc trưng của địa phương và thu hút khách du lịch. Phát triển các trung tâm thể thao, nhà thi đấu hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu giao lưu, trao đổi, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao ngày càng đa dạng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm thể thao trọng điểm của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh.

c) Phương án phát triển hạ tầng y tế

Xây dựng hạ tầng y tế tỉnh Khánh Hòa đồng bộ, hiện đại; chú trọng việc mở rộng và xây dựng mới các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; đồng thời cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế đã hoạt động lâu năm, xuống cấp nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến dưới. Ưu tiên xây dựng mới và mở rộng các khu khám và điều trị bệnh trong các khu đô thị mới có tốc độ phát triển cao; phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích việc thành lập và phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại ngoài công lập, đặc biệt là các bệnh viện chuyên khoa. Phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh thành Bệnh viện tuyến cuối của Trung ương tại khu vực Nam Trung Bộ. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị y tế để đủ khả năng thực hiện, phát triển một số kỹ thuật phù hợp với xu thế bệnh tật giai đoạn tới.

d) Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Huy động đa dạng các nguồn lực để xây dựng hệ thống hạ tầng an sinh xã hội trong tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo trợ xã hội; tiếp tục rà soát, sắp xếp và đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; đồng thời ưu tiên và khuyến khích nâng cấp một số cơ sở trợ giúp xã hội cả công lập và ngoài công lập nhằm đảm bảo đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

e) Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Xây dựng hệ thống hạ tầng KH&CN tỉnh Khánh Hòa đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng và góp phần tăng cường tiềm lực để KH&CN tỉnh Khánh Hòa phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương, gắn với nghiên cứu cơ bản của Viện Hải dương học Nha Trang nhằm phát triển ứng dụng công nghệ đại dương, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh.

Tăng cường đầu tư, phát triển Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh. Phát triển kết cấu hạ tầng cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN. Phát triển Vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và vận hành Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa. Thành lập, xây dựng trụ sở và phát triển các trung tâm nghiên cứu KH&CN trong các trường đại học, cao đẳng của tỉnh. Thành lập Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ IoT. Thu hút các công ty công nghệ lớn trong và ngoài nước đầu tư các trung tâm nghiên cứu/làm việc tại Khánh Hòa.

VI. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Quy hoạch phân vùng không gian liên huyện của tỉnh thành 4 vùng, gồm:

(1) Vùng phía Bắc: gồm các huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa, thuộc ranh giới của Khu kinh tế Vân Phong.

(2) Vùng trọng điểm: gồm khu vực thành phố Nha Trang và phía Nam Ninh Hòa, huyện Diên Khánh

(3) Vùng phía Nam: gồm thành phố Cam Ranh và đô thị Cam Lâm.

(4) Vùng phía Tây: gồm các huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, và khu vực phía Tây Thị Xã Ninh Hòa

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 8 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: 2 thành phố (Nha Trang, Cam Ranh) và 6 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm) và thị xã Ninh Hòa.

3. Phương án phát triển các vùng động lực và các trục phát triển

a) Vùng động lực phát triển

- Khu vực vịnh Vân Phong:

Phát triển khu vực vịnh Vân Phong (KKT Vân Phong) trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại, địa bàn động lực phát triển mới của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ nói chung. Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế; định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp, đồng thời phát triển các cảng hàng hóa gắn với trung tâm logistics để phục vụ cho cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ.

- Thành phố Nha Trang:

Phát triển thành phố Nha Trang là vùng trọng điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, đào tạo nguồn nhân lực; phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò một cực tăng trưởng quan trọng, cửa ngõ hội nhập quốc tế của Nha Trang đối với tỉnh Khánh Hòa.

- Khu vực vịnh Cam Ranh

Phát triển khu vực vịnh Cam Ranh là vùng trọng điểm về kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng, an ninh. Phát triển khu vực đô thị mới Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

b) Các hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Là một bộ phận của HLKT Bắc - Nam của quốc gia. Đây là HLKT chủ đạo của tỉnh Khánh Hòa, gắn với trục giao thông Bắc - Nam, kết nối 3 vùng động lực phát triển, kết nối chuỗi đô thị ven biển, các hạ tầng cửa ngõ như cảng biển, cảng hàng không...

- Hành lang kinh tế Đông - Tây (trên cơ sở trục giao thông Đông - Tây bao gồm QL 26, QL26B và Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột): Kết nối khu vực phát triển đô thị, các trung tâm dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp ven biển với khu vực nội địa của tỉnh; kết nối khu vực Nha Trang - Vân Phong với tỉnh Đắk Lắk.

- Hành lang Nha Trang - Diên Khánh - Khánh Vĩnh (trên cơ sở QL 27C): Tăng cường hiệu ứng lan tỏa phát triển từ thành phố Nha Trang; kết nối tổng hợp cả về đô thị, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp.

- Hành lang Cam Ranh, Cam Lâm - Khánh Sơn (trên cơ sở ĐT.656): Kết nối, lan tỏa phát triển từ khu vực ven biển, đồng bằng với trọng tâm là TP. Cam Ranh và đô thị mới Cam Lâm với khu vực miền núi Khánh Sơn; kết nối về du lịch biển - đảo với du lịch sinh thái núi, rừng, văn hóa; kết nối giữa nông nghiệp - công nghiệp chế biến.

VII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường:

Phân vùng môi trường tỉnh Khánh Hòa theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên;

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của UBND tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ;

- Vùng khác: Các khu vực còn lại.

b) Các trạm, điểm quan trắc môi trường

Nghiên cứu, xây dựng các trạm, điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn; điểm quan trắc định kỳ môi trường nước mặt; trạm, điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ; điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; điểm quan trắc định kỳ môi trường trầm tích; trạm quan trắc san hô; trạm quan trắc cỏ biển phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

c) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Quy hoạch các khu vực: Khu vực đa dạng sinh học cao (SHC), các vùng đất ngập nước quan trọng (ĐQT), các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng (CQT), hành lang đa dạng sinh học (HL), khu bảo tồn thiên nhiên (BT), các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (CS).

d) Bảo vệ và phát triển rừng

Bảo vệ và phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng...; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

2. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

- Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, tăng trưởng xanh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

3. Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

Tài nguyên nước tỉnh Khánh Hòa được phân thành 05 vùng chính:

- Vùng Vạn Ninh: Gồm 12 xã, thị trấn của huyện Vạn Ninh;
- Vùng lưu vực sông Cái Ninh Hòa: gồm toàn bộ thị xã Ninh Hòa và 1 xã của huyện Vạn Ninh
- Vùng lưu vực sông Cái Nha Trang: gồm toàn bộ thành phố Nha Trang, huyện Khánh Vĩnh, huyện Diên Khánh và 3 xã thuộc huyện Cam Lâm.
- Vùng Cam Lâm - Cam Ranh: gồm toàn bộ thành phố Cam Ranh và 12 xã, thị trấn của huyện Cam Lâm.
- Vùng Tô Hạp: gồm toàn bộ huyện Khánh Sơn.

a) Phân bổ tài nguyên nước

Nguồn nước được phân bổ theo thứ tự ưu tiên: (1) Nước cho sinh hoạt; (2) Nước cho sản xuất công nghiệp; (3) Nước cho hoạt động nông nghiệp; (4) Nước cho kinh doanh du lịch, dịch vụ. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, nguồn nước được phân bổ đủ cho sinh hoạt, lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các ngành còn lại theo tỷ lệ phù hợp và phụ thuộc vào phân vùng cấp nước.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

Quản lý, phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp có giá trị cao; bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc giám sát chất lượng nguồn nước. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; xây dựng đê, tường chắn lũ quét, hồ chứa điều tiết lũ để phòng, chống, giảm thiểu tác hại do lũ gây ra tại vùng thượng lưu, hạ lưu các sông. Nâng cấp và hoàn thiện đầu tư xây dựng hệ thống đập ngăn mặn, các công trình khai thác, sử dụng nước đảm bảo công suất; tăng cường diện tích trồng rừng, đặc biệt chú trọng bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và nâng cao chất lượng rừng nhằm phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn. Chú trọng xây dựng nhà máy, trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

- Huyện Vạn Ninh là khu vực chịu rủi ro rất lớn về bão/áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán; mưa lớn.

- Thị xã Ninh Hòa, thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lam là khu vực chịu rủi ro rất lớn về bão/áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán; mưa, lũ, nước dâng/xâm nhập mặn.

- Huyện Khánh Vĩnh và huyện Khánh Sơn là khu vực chịu rủi ro lớn về bão/áp thấp nhiệt đới; nắng nóng, hạn hán.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát BĐKH.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (sạt lở bờ sông, mức độ ngập lụt, khu vực lũ quét, khu vực hạn hán, nguy cơ bão...).

- Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu để chủ động phòng tránh dịch bệnh, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai. Bảo đảm an toàn hồ, đập.

- Xây dựng các kế hoạch tổ chức ứng phó thiên tai trong trường hợp xảy ra bão; lũ, ngập lụt và sự cố hồ, đập; lũ quét, sạt lở đất; hạn hán.

c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

Đầu tư, nâng cấp các hồ chứa thượng nguồn kết hợp xây dựng quy trình vận hành để tăng cường năng lực cắt giảm lũ cho hạ du. Nâng cao năng lực giám sát, dự báo và cảnh báo lũ trên các hồ chứa và trên các sông.

Nạo vét, mở rộng các trục thoát lũ, tiêu úng; củng cố, hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đáp ứng yêu cầu phòng chống lũ, bão.

Giai đoạn 2021-2030, đề xuất nạo vét, khơi thông, mở rộng, gia cố 9 trục tiêu chính, đầu tư 136 công trình tuyến kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển bảo vệ dân cư, vùng sản xuất nông nghiệp, kè kết hợp đường giao thông các sông thuộc lưu vực sông Cái Ninh Hòa và sông Cái Nha Trang.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ cho tỉnh Khánh Hòa.

IX. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

X. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập và triển khai các kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh. Từng bước có quy trình, cơ chế phù hợp để tham vấn rộng rãi cộng đồng dân cư, doanh nghiệp về các chương trình, dự án đầu tư công nhằm tạo điều kiện phối hợp nguồn lực giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.

Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi ngân sách thiết thực và hiệu quả. Ưu tiên tăng chi cho đầu tư phát triển. Tăng tỷ trọng các khoản chi cho các lĩnh vực đột phá phát triển, có tác động lâu dài và phù hợp với xu thế như hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh để nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách và mở rộng cơ sở thu. Khai thác hợp lý nguồn lực từ đất đai trên cơ sở thực hiện công khai, minh bạch trong đấu giá quyền sử dụng đất.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao thứ hạng của tỉnh trong bảng xếp hạng các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Cải cách hành chính (PARINDEX)...

- Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách (bao gồm cả vốn nước ngoài) để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; chú trọng thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề..., qua đó huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thu hút và giữ chân lực lượng tri thức, lực lượng lao động có tay nghề cao tới làm việc tại Khánh Hòa.

Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thường xuyên rà soát, bổ sung những ngành, nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn phát triển. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và giảng viên, giáo viên; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tiếp cận và cập nhật kiến thức thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện điều chỉnh, cải tiến nội dung, giáo trình đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nội dung đào tạo, giảng dạy với xu thế và thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ. Kết hợp linh hoạt giữa học lý thuyết và thực hành, hướng tới tăng dần thời lượng thực hành.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội, từ người dân; từ các doanh nghiệp và tổ chức; từ các nguồn vốn nước ngoài... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát triển nguồn nhân lực. Có chính sách hỗ trợ công tác đào tạo lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra phục vụ bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học và tăng cường vai trò của người dân trong bảo vệ môi trường.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương, đồng thời đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong các giai đoạn từ ý tưởng, nhu cầu nghiên cứu, cho đến triển khai, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển:

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi do Trung ương ban hành về

phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực theo hướng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư để thúc đẩy phát triển phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

a) Hợp tác vùng và quốc gia

Ký kết và triển khai thực hiện văn bản hợp tác giữa tỉnh Khánh Hòa với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, các tỉnh lân cận và các địa phương khác để cùng khai thác các tiềm năng, thế mạnh mang tính bổ sung cho nhau, phát huy tính kinh tế về quy mô trên cấp độ vùng, học hỏi kinh nghiệm phát triển trong các ngành, lĩnh vực. Xây dựng cơ chế phối hợp phù hợp với mỗi hoạt động liên kết phát triển phù hợp với Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Hợp tác quốc tế:

Tận dụng các cơ hội, lợi thế cho sản phẩm của tỉnh từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt các FTA thế hệ mới. Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương nước ngoài, tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

5. Giải pháp về quản lý và kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Áp dụng các mô hình phát triển đô thị để nâng cao hiệu quả phát triển đô thị của tỉnh như các mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị sinh thái... Tăng cường áp dụng phương pháp phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD) trong quy hoạch phát triển đô thị. Bảo tồn bản sắc văn hóa, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị, nông thôn.

- Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kiến trúc công trình thông qua hồ sơ dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế thi công và cấp giấy phép xây dựng công trình. Đối với các công trình lớn, trọng điểm cần phải thi tuyển để chọn phương án kiến trúc thích hợp.

- Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao do tăng cơ học và thu hút du khách, để đảm bảo động lực phát triển kinh tế bền vững. Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị, sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu ở nông thôn giáp cận với ranh giới đô thị.

- Quản lý và cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu đa ngành của các Sở, ban ngành theo hướng số hóa, sử dụng hệ thống tin địa lý (GIS) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp đa ngành hiệu quả giữa các đơn vị trong tỉnh trong công tác quản lý, cải tạo, chỉnh trang, và phát triển hạ tầng đô thị và quy hoạch đô thị và nông thôn.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch như tổ chức hội nghị, các kênh thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở các cơ quan hành chính đến cấp xã. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường nhằm phát huy, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của từng vùng và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ, đảm bảo mối liên kết trong nội bộ vùng, với các vùng trong tỉnh, trong nước và khu vực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, GTVT, XD, CT, NN&PTNT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Dũng